

## TƯ LIỆU



## DÂN TỘC HỌC

## VÀI NÉT VỀ XÃ HỘI TRUYỀN THỐNG NGƯỜI PƠ NOONG Ở QUẢNG NAM

HUYỄN ĐÌNH QUỐC THIỆN

1. Người Pơ Noong ở Quảng Nam thuộc nhóm cư dân nói ngôn ngữ Môn-Khmer, có 11.099 người, sống tập trung trên 9 xã của hai huyện Phước Sơn và Trà My<sup>(1)</sup>. Học giả R.Mole<sup>(2)</sup> cho rằng “Người Pơ Noong phần lớn là người Giẻ ở Đắk Lắk qua, họ chạy giặc từ Lán Lách, Lán Tôn, thuộc xã Đắk Blong huyện Đắk Lắk về vùng Trà My, Phước Sơn...”<sup>(3)</sup>. Hiện tại, người Pơ Noong được xác định là một nhóm của tộc người Giẻ-Triêng<sup>(4)</sup>, tuy nhiên, vấn đề này còn cần phải bàn thêm. Có nhiều ý kiến cho rằng, đây là một tộc người riêng rẽ với nhiều tên gọi khác nhau như: Pơ Noong, Mha Noong, Giang Rẫy, Pa Noong, Boong, Ba Noong...<sup>(5)</sup>.

2. Hoạt động kinh tế truyền thống của người Pơ Noong là làm nương rẫy, ngoài ra còn có săn bắn, hái lượm và các ngành nghề thủ công. Trong quá trình hoạt động kinh tế họ đã tạo nên tính cộng đồng cao trong quan hệ xã hội và nổi bật nhất là vấn đề sở hữu đất đai.

Luật tục của đồng bào quy định, đất đai, rừng núi, sông suối, các sản vật, ... thuộc phạm vi của làng đều là sở hữu chung, mọi người có quyền như nhau trong sử dụng, chiếm dụng theo khả năng của mình. Những vùng đất đai, cây cối hoặc sản vật trong tự nhiên, khi đã được một người nào đó xác định quyền sử dụng,<sup>(6)</sup> nó thuộc về người đó. Phạm vi sở hữu của các làng được xác định thông qua mốc giới là con suối, cánh rừng, tảng đá, đỉnh núi..., trên cơ sở đó hình thành nên đường ranh giới, được dân làng biết đến và thừa nhận. Trong mỗi làng có nguồn nước,

khu nghĩa địa, vùng rừng núi săn bắn, vùng đất canh tác chung mà các thành viên trong làng có quyền chiếm hữu và tiến hành khai thác. Người ngoài làng muốn xâm canh hoặc cư trú phải xin phép, nếu tự ý xâm lấn sẽ bị mọi người trong làng trừng trị theo quy định của luật tục. Trước đây, những trường hợp các làng “phạt xô”, chính là hình thức xử lý vi phạm luật tục, khi xâm phạm đến quyền lợi chung của làng và sở hữu riêng của từng cá nhân.

Tư liệu sản xuất chủ yếu và quan trọng nhất của đồng bào là nương rẫy. Luật tục của đồng bào quy định, đất đai nằm trong phạm vi làng do làng quản lý, thuộc về sở hữu tập thể, không ai có quyền tư hữu. Quyền sử dụng đất phải thông qua hội đồng già làng, lấy ý kiến và được chủ làng quyết định cá nhân đó mới được quyền sử dụng, khai thác làm nương rẫy. Vì thế, vấn đề chuyển nhượng, thừa kế đất đai phải có sự chứng kiến của hội đồng già làng và chủ làng. Trong trường hợp chuyển đi nơi khác, đất đai của người đó phải trả lại cho làng. Diện tích qui mô đất đai của từng hộ nhiều hay ít phụ thuộc vào khả năng lao động của gia đình. Về cơ bản, người dân có quyền sử dụng đất đai, không có quyền sở hữu, điều này phản ánh hình thức sở hữu toàn dân đối với đất đai.

Trong quy định chung, đất đai canh tác, trong đó có đất rừng và rừng đều thuộc sở hữu của cộng đồng. Không có cá nhân nào khai thác cây rừng, khi chưa có sự đồng ý của chủ làng. Đồng thời, các

thanh viên trong làng phải có trách nhiệm bảo vệ rừng, cây rừng theo quy định cụ thể về loại rừng nào, độ lớn của cây như thế nào được khai thác. Ý thức trách nhiệm bảo vệ rừng của đồng bào Pơ Noong còn được biểu hiện trong việc trồng và khai thác quế. Cây quế được đồng bào trồng từ đời này sang đời khác ở những nơi đất trống đồi thửa, cạnh các sườn chân núi, ngoài việc tăng thu nhập nó còn có tác dụng giữ nguồn nước, chống xói mòn, sạt lở, giảm thiểu tác hại đến sản xuất. Ngoài ra cây quế còn là niềm tự hào về sự giàu có của người dân trong làng.

Trong xã hội Pơ Noong truyền thống, quyền chiếm hữu cá nhân về đất đai bị hạn chế bởi sở hữu cộng đồng. Tuy nhiên, những năm gần đây việc khai thác đất đai để làm ruộng nước, kinh tế vườn, đã làm xuất hiện hình thức chiếm dụng đất đai của một số cá nhân, nên vấn đề sử dụng đất đai ở địa phương đã có những biến đổi, song hiện tượng này không phổ biến và không gây ảnh hưởng lớn trong quan hệ xã hội. Ở một số nơi, cá nhân muốn có đất canh tác, phải thông qua những thủ tục theo quy định của Nhà nước, của chính quyền sở tại và sự đồng ý của làng.

3. Xã hội truyền thống của người Pơ Noong mang tính cộng đồng cao, ở đó con người bị ràng buộc vào tập thể bằng một hệ thống tổ chức xã hội, vận hành theo phương thức tự quản.

Đơn vị xã hội cơ bản ở người Pơ Noong là làng. Làng (p'lêi) là một trung tâm sinh hoạt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, là môi trường sống, đồng thời là không gian xã hội, mang tính chất công xã láng giềng, bao gồm nhiều gia đình có quan hệ huyết thống hay khác huyết thống cùng cư trú và làm ăn sinh sống. Trước đây quy mô làng khá lớn, khoảng 30 - 40 gia đình (100- 200 người), cư trú theo hình thức đại gia đình từ 3 - 4 thế hệ. Người Pơ Noong có tập quán, cả làng sống chung

trong một ngôi nhà sàn dài, chia theo từng gia đình. Đây là hình thức cư trú kiểu công xã thị tộc. Trải qua nhiều biến động lịch sử, hình thái và địa vực cư trú củ người Pơ Noong có những thay đổi đáng kể, quan hệ huyết thống - đặc trưng của công xã thị tộc từng bước tan rã, và thay thế vào đó là công xã láng giềng<sup>(9)</sup>. Ngày nay, làng của người Pơ Noong là nơi sinh sống của nhiều dòng họ, quây quần bên nhau, cùng làm ăn sinh hoạt, xây dựng làng bản. Làng được bố trí theo kiểu nhà ở hai bên đường và quay về một hướng. Mỗi làng ít nhất có 3-4 dòng họ với 30-40 hộ gia đình cư trú tạo thành từng nhóm thân tộc. Tuy nhiên, mỗi thành viên đều hoà chung vào quan hệ cộng đồng. Tính cộng đồng trong quan hệ giữa những người hàng xóm láng giềng đã trở thành nếp sống, chi phối mọi hành vi ứng xử của các thành viên. Ở mỗi làng có một "bộ máy" thực hiện chứa năng tự quản, do một số thành viên trong làng đảm đương, bao gồm: chủ làng (p'lêi câu), thủ lĩnh quân sự (chơ ah khil), thầy cúng (pà dâu), hội đồng già làng (ba xứ bal chơ ahkh). Cho đến những năm sau giải phóng, cơ cấu tổ chức xã hội này vẫn được duy trì<sup>(10)</sup>.

Đứng đầu P'lêi là chủ làng (p'lêi câu), người có quyền đưa ra quyết định về các công việc của làng, điều hành các hoạt động sản xuất, các quan hệ xã hội, công việc đối ngoại, chủ trì các buổi hôn nhân, tế lễ tín ngưỡng... của làng. Chủ làng là người cao tuổi, có uy tín, có kinh nghiệm trong sản xuất, am hiểu phong tục tập quán, sống mẫu mực, được mọi thành viên trong làng nể phục, tôn trọng. P'lêi câu có quyền lợi và nghĩa vụ như các thành viên khác trong làng, tuy nhiên, ông được dân làng "ưu ái" hơn trong việc giúp sức, giúp công làm rẫy, dựng nhà... Trong làng ông được xem là người giàu nhất, thuộc tầng lớp nê pa roong<sup>(11)</sup>. Ở đây, chúng tôi xin nhấn mạnh đến đặc điểm dân chủ trong việc đề cử chức vụ chủ làng và tính tự giác

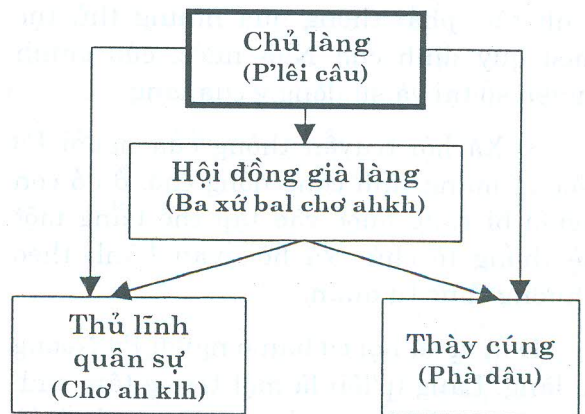
trong thực hiện những quyết định của chủ làng. *Plêi câu* được bầu lên một cách dân chủ, không kỳ hạn, thực hiện theo nguyên tắc cha truyền con nối: trong trường hợp, nếu người kế tục không có đủ phẩm chất, không đảm đương được chức vụ, không chăm lo đến lợi ích của cộng đồng, sẽ bị bãi miễn. Khi trong làng xảy ra những vi phạm mà không giải quyết được, chủ làng triệu tập "*hội nghị toàn làng*", mọi thành viên đều được quyền phát biểu, và *plêi câu* có quyền đồng ý hay bác bỏ. Trong xã hội Pơ Noong, sức mạnh tối cao của *plêi câu* được biểu hiện qua việc nắm giữ đuôi trâu và trống: trống do chính *plêi câu* làm ra và giữ tại nhà, trâu được xem là vật hiến sinh lớn nhất trong các tục tế lễ làng, việc giữ đuôi trâu có tác dụng nâng cao uy tín của chủ làng đối với thần linh.

- Thủ lĩnh quân sự (*chơ ah khl*)<sup>(12)</sup> do dân làng bầu khi đạt những tiêu chuẩn như về sức khỏe, giỏi võ nghệ, thông minh, mưu trí và có kinh nghiệm trong chiến đấu. Người Pơ Noong rất coi trọng chức vụ này. Thủ lĩnh quân sự (*chơ ah khl*) có trách nhiệm luyện tập cho thanh niên trai tráng, tổ chức bố phòng, xây dựng phòng tuyến của làng để ngăn chặn sự xâm nhập trái phép từ bên ngoài vào làng. Trong lịch sử xã hội Pơ Noong đã từng xảy ra xích mích dẫn đến chiến tranh giữa các làng làm nhiều người phải rời bỏ làng di cư đến vùng khác sinh cơ lập nghiệp, nên thủ lĩnh quân sự được đề cao, và được bầu lên trong sự tin tưởng. Trách nhiệm thủ lĩnh quân sự là gánh vác nghĩa vụ nặng nề đối với làng, tuy nhiên, xét về quyền lợi, ông ta không hưởng một đặc ân nào. Thủ lĩnh quân sự sẽ bị thay thế khi mất hết uy tín, già yếu, không đảm bảo được công việc. Cũng có trường hợp thủ lĩnh quân sự chỉ có quyền trong chiến đấu và sẽ hết vai trò khi chiến tranh chấm dứt.

- Thầy cúng (*pà dâu*) có thể là đàn bà hoặc là đàn ông, chuyên đi "*búa*"<sup>(13)</sup>. Tuy không có quyền lực lớn như chủ làng, song

*pà dâu* được xem như người nắm phần "*hồn*" của các thành viên trong làng, được dân làng nể sợ. *Pà dâu* là người làm những việc có tính chất ma thuật: trừ tà ma cho người ốm, cúng chữa bệnh, tham gia tế lễ làng. *Pà dâu* cũng như các thành viên khác trong làng, không có quyền lợi mang tính giai cấp, nhưng trong hội đồng già làng, tiếng nói của *pà dâu* luôn được coi trọng. Tuy nhiên, đó chỉ là sự cả tin, sự nhận thức non kém của đồng bào khi còn tin vào tầng lớp thầy cúng.

- *Ba xứ bal chơ ahkh* (hội đồng già làng) là tập hợp những người già trong làng, không hạn chế về mặt số lượng, có nhiệm vụ tư vấn cho chủ làng. Hội đồng già làng bao gồm trưởng họ, chủ gia đình trong làng. Đây là một tổ chức không thể thiếu được trong thiết chế tự quản ở xã hội Pơ Noong truyền thống. Hội đồng già làng hoạt động theo phương thức lấy ý kiến tập thể. Vai trò, chức năng, hoạt động của hội đồng già làng là biểu hiện tính dân chủ, ý kiến của hội đồng già làng xem như ý kiến của toàn dân làng.



### Sơ đồ tổ chức bộ máy làng bản

Ngày nay, xã hội Pơ Noong đã có nhiều thay đổi, nhất là sau giải phóng. Phương thức quản lý làng, bên dưới bộ máy hành chính của Đảng và Nhà nước vẫn tồn tại thiết chế xã hội truyền thống. Những chức vụ như bí chi bộ, thôn trưởng, cán bộ địa chính... là những người thực thi công việc theo luật pháp Nhà nước, thì

bên cạnh đó những già làng, trưởng họ. Do vậy, hiện nay song song với các hoạt động hội làng, phổ biến triển khai các chính sách của Đảng và Nhà nước, vẫn tồn tại hình thức sinh hoạt mạn đàm, trao đổi ý kiến giữa những người già trong làng, những ý kiến của họ luôn được lắng nghe và có những ảnh hưởng nhất định, chi phối các hoạt động của làng.

4. Trong xã hội Pơ Noong truyền thống, đã có sự phân hoá giàu nghèo. Dựa trên các tiêu chí về tài sản (rẫy lúa, trâu bò, chiêng, ché...) có thể chia thành 3 lớp người cơ bản như sau:

1. *Nê pa roong*: người giàu.
2. *Du la*: người đủ ăn.
3. *Toi pa*: người nghèo.

**Bảng so sánh mức sống khác nhau giữa 3 tầng lớp**

TT	Nội dung	Nê pa roong	Du la	Toi pa
1	Số lượng	Khoảng 4-5 hộ: gia đình đông người, họ hàng nhiều.	Chiếm đa số: gia đình bậc trung, dòng họ con cái ít.	Khoảng 5-10 hộ: gia đình ít người, neo đơn.
2	Nhà ở	Dài, rộng, cao, đẹp.	Đơn giản, không cầu kỳ, nhưng rộng.	Nhà ở lụp xụp đơn giản.
3	Trang phục	Tươi tắn, lành, đẹp.	Đủ dùng, ít dư dật.	Nghèo nàn, thậm chí không có.
4	Lương thực	Kho thóc to, khi mất mùa, giáp hạt vẫn đủ ăn.	Kho thóc vừa, đủ dùng trong năm, không sợ lúc mất mùa.	Kho thóc nhỏ bé, phải lo cái ăn thường xuyên khi gặp giáp hạt, mất mùa.
5	Tài sản, đồ gia dụng, gia bảo.	Đồ trang sức phong phú, giá trị: Nhiều chiêng, ché, tấm đồ, gia súc nhiều.	Có ít chiêng, ché, nồi đồng, tấm đồ: gia cầm vài chục con, gia súc...	Ít, rách rưới, trang sức nghèo nàn, thậm chí không có. Không có đồ quý, nuôi được ít gia cầm, không có gia súc.
6	Đất đai	Nhiều, diện tích lớn, có nhiều rẫy quế.	Vừa đủ diện tích canh tác, không có đất dư thừa, vẫn có rừng quế.	Đất gieo trồng ít, không có điều kiện chăm nom, bảo vệ mùa màng.
7	Các hoạt động khác	Hay tổ chức lễ lúa Trăm, đâm trâu. Đám cưới tục lệ đàng hoàng; tang ma có tổ chức hiến sinh, quan tài bằng gỗ quý, đẹp, kiểu sừng trâu (mai táng theo kiểu nhà giàu), nhà mồ đẹp, đồ tuý táng nhiều.	Ít tổ chức, 5-10 năm mới tổ chức ăn lúa Trăm, đâm trâu; lấy vợ, lấy chồng theo đúng luật tục, không tổ chức linh đình, mai táng không đình đám như người giàu.	Không có điều kiện tổ chức. Đám cưới không tuân theo tục, thường gặp tục bắt chồng ở người Pơ Noong; tang ma tổ chức sơ sài, có người không có áo quan, chôn cất đơn giản, nhanh gọn.
8	Vấn đề khác	Thuê người làm công trả thù lao, cho vay mượn, có nhiều sản vật trao đổi.	Được dân làng nhờ vả, vay mượn heo, gà... sản phẩm trao đổi ít.	Phải làm thuê cho người giàu, hay vay mượn nợ nần, không có sản vật trao đổi.

Nói chung, hiện tượng phân hoá trong xã hội Pơ Noong chỉ ở mức độ phân biệt giàu nghèo, không dẫn đến hình thành các giai cấp đối lập. Tuy thế, trong từng làng đã xuất hiện một số gia đình giàu có bên cạnh những người thiếu thốn, đi làm mướn cho nhà giàu. Sự khác biệt giàu nghèo chủ yếu là do lao động, do kinh nghiệm làm ăn, do thừa kế, do phần nào may mắn mà chưa phải do bóc lột. Khái niệm giàu nghèo ở đây mang tính chất tương đối, trong tương quan so sánh về tài sản thực tế giữa các hộ gia đình, ít nhiều phản ánh thực trạng phân hoá dân cư chưa mạnh mẽ. Sự giàu có của các gia đình, dòng họ biểu hiện qua đàn trâu, số chiêng, ché, nồi đồng, qua những lễ cúng tế linh đình, thuê người đi phát rẫy, tuốt lúa, lột vỏ quế... hoặc cho vay mướn rồi trả bằng ngày công lao động. Điều đáng chú ý là giá công lao động khá cao, tỷ lệ giá trị thu được qua công lao động ấy phân chia cân bằng<sup>(14)</sup>. Điều này xuất phát từ điều kiện lịch sử, vùng đồng bào dân tộc Pơ Noong ít bị tác động bởi các điều kiện khách quan từ bên ngoài vào<sup>(15)</sup>. Trong cộng đồng *p'lei* chưa có sự phân hoá thành giai cấp thống trị và bị trị, ranh giới giàu nghèo chỉ là sự ước lệ qua tài sản, sở hữu cá nhân bị chi phối bởi sở hữu tập thể. Hơn nữa, trước thiên nhiên đầy bí ẩn, cuộc sống bấp bênh, nghèo đói buộc họ không thể sống riêng lẻ mà phải đoàn kết, gắn bó, tạo thành một tập quán tốt trong lối sống.

Làng (*plèi*) là tế bào của xã hội, là đơn vị hành chính thấp nhất. Trong làng quan hệ cộng đồng khá chặt chẽ, được dựa trên cơ sở hoạt động sản xuất, quy định trách nhiệm của các thành viên trong việc xây dựng, bảo vệ cộng đồng. Người Pơ Noong ý thức rất cao về dòng tộc, tinh thần tập thể, không gian sinh tồn, trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi đối với làng bản, họ rất sợ khi phải tách khỏi cộng đồng làng, xem đó là điều bất hạnh, tệ hại

nhất trong cuộc đời. Bởi thế, các mối quan hệ trong xã hội Pơ Noong truyền thống thể hiện tính cộng đồng rất cao. Những trẻ mồ côi (*coong pơ doa*) được các gia đình giàu có chăm chút nuôi nấng như con đẻ, đến lúc trưởng thành được cưới vợ, gả chồng đàng hoàng, không biểu hiện chứng tỏ sự thua thiệt giữa con đẻ và con nuôi. Khi cha mẹ nuôi chết, *coong pơ doa* cũng được chia phần của hồi môn.

Mối quan hệ giữa nam và nữ là biểu hiện sự bình đẳng ở mức độ nhất định trong xã hội Pơ Noong truyền thống. Do ảnh hưởng của sự phân biệt giới tính, vai trò người phụ nữ Pơ Noong bị xem nhẹ. Trong các buổi "*hội nghị toàn làng*", người phụ nữ không có quyền tham gia những cuộc chiến bảo vệ làng, những buổi đi săn; họ cũng không được đàm luận hay tham gia ý kiến và bị xem là "*ky huy*". Vai trò của người phụ nữ chỉ được coi trọng trong mùa sản xuất, trực tiếp qua hình ảnh bà chủ lúa "*Coong Rét*". Nghĩa là với chức năng đảm đương những công việc trong gia đình và trên nương rẫy trong mùa canh tác, đã giúp họ bình đẳng hơn so với nam giới trong lĩnh vực kinh tế. Đồng bào Pơ Noong quan niệm, người phụ nữ như "*cây lúa, cây sắn, cây bắp trên rẫy nuôi hạt, nuôi trái*". Trong ngày hội làng, người phụ nữ được tham gia vui chơi như nam giới.

Tinh thần cộng đồng, làng xóm còn được thể hiện ở sự giúp đỡ trong sản xuất (phát rẫy, trồng trọt...), trong sinh hoạt cưới hỏi, ma chay.... Sự đoàn kết, tương trợ trong khó khăn, đã gắn số phận của mỗi cá nhân vào trong số phận chung của cả cộng đồng. Khi một người bị xúc phạm, bị đe dọa, cả làng giúp đỡ, bênh vực. Không có thái độ dửng dưng trước công việc nặng nhọc hay khó khăn của người khác, nhất là trong việc tiếp đãi khách, các gia đình khác có trách nhiệm mang gạo hay thức ăn đến giúp cho chủ nhà đãi

khách. Hiếu khách là một trong những yếu tố đặc trưng về các mối quan hệ xã hội tộc người Pơ Noong.

Đối với người Pơ Noong, “nhà - làng” là một cơ cấu quan trọng, trong đó bao gồm không gian sinh hoạt, sản xuất, sinh sống, thiết chế tự quản, vận hành dựa trên nền tảng của luật tục và ý thức tự nguyện. Đây là vấn đề cần được tìm hiểu, nghiên cứu đưa ra một phương thức tổ chức, quản lý, điều hành xã hội vùng đồng bào dân tộc, trên cơ sở kết hợp những yếu tố truyền thống, tập quán tốt đẹp, tích cực góp phần đưa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào, xây dựng thiết chế xã hội mới. Trong đó, phải đặc biệt chú trọng đến vai trò, chức năng của người chủ làng và hội đồng già làng truyền thống, trong việc đề ra mô hình tổ chức xã hội mới ở thôn bản, nhằm phát huy hết khả năng của chủ làng, già làng, đưa họ trực tiếp tham gia quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước.

Trước những thay đổi của xã hội, yêu cầu đặt ra là phải biết giữ gìn và phát huy hết những giá trị văn hoá tốt đẹp, loại bỏ những tâm lý tự ty cục bộ địa phương, tính bình quân nín kén, kìm hãm sự phát triển. Trong điều kiện hiện nay, khi sản xuất phát triển, của cải trong xã hội tăng lên, xu hướng đô thị hoá ngày càng mạnh mẽ ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hiện tượng phân hoá giàu nghèo xuất hiện, khoảng cách chênh lệch ngày càng mở rộng giữa các tầng lớp người trong xã hội, đặc biệt giữa người Kinh lên lập nghiệp với người dân địa phương. Quan niệm sự giàu có của đồng bào đã thay đổi, không chỉ nhiều chiêng, ché, trâu bò mà còn vàng bạc, nhà cửa, những vật dụng sinh hoạt đắt tiền. Ở vùng có giao thông thuận lợi, vùng đào đãi vàng đã xuất hiện những tệ nạn xã hội du nhập, len lỏi vào đời sống của người dân, phá vỡ các mối quan hệ xã

hội truyền thống. Người dân biết trao đổi, mua bán, tính toán giá trị đồng tiền, trong xu hướng hiện nay đây là một dấu hiệu tốt, là một bước tiến bộ, xoá đi sự “bình đẳng ngày thơ”, nhưng bên cạnh đó xuất hiện những hiện tượng tiêu cực hình thành tâm lý “phục tùng kẻ có tiền” của một số người, một tầng lớp giàu có dựa vào “thế lực” để bao chiếm đất đai, lợi dụng tôn giáo thực hiện âm mưu chính trị làm mất ổn định an ninh trật tự xã hội.

Trước xu thế đô thị hoá, sự giao lưu văn hoá ngày càng mở rộng, việc giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống, chuẩn mực xã hội là hết sức cần thiết, nó không chỉ tạo điều kiện góp phần vào quá trình thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng, mà còn thực hiện tốt nghị quyết TW5 về “xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Vấn đề cấp bách trước mắt là, bên cạnh việc nâng cao mức hưởng thụ văn hoá, phải vận động tuyên truyền đồng bào tích cực bảo tồn và phát huy vốn văn hoá truyền thống, xây dựng nếp sống mới ở làng bản. Đồng thời, đẩy mạnh hơn nữa công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, giới thiệu các giá trị văn hoá truyền thống vật thể và phi vật thể.

### Chú thích:

1. 9 xã vùng cao ở huyện Phước Sơn là Phước Công, Phước Thành, Phước Chánh, Phước Mỹ, Phước Đức, Phước Kim và thị trấn Khâm Đức, một xã vùng thấp là Phước Hiệp. Ở huyện Trà My người Pơ Noong cư trú ở hai xã Trà Lăng và Trà Đốc.
2. Robert. Mole. *The montagnards of south Vietnam nine tribes*, Tokyo, 1970 ( Những người miền núi ở Việt Nam, một chương trình nghiên cứu 9 bộ lạc)
3. Ban dân tộc Tỉnh uỷ. *Đường lối chính sách của Đảng và một số kết quả nghiên cứu về dân tộc ở Quảng Nam-Đà Nẵng*, xuất bản năm 1987, (tr. 49).

4. Theo kết quả xác định thành phần dân tộc năm 1979 của Viện Dân tộc học, ở miền núi Quảng Nam có 4 thành phần dân tộc là Cơ-tu, Co, Xơ-đăng (bao gồm cả nhóm Ca Dong) và Giẻ - Triêng (bao gồm nhóm Ve, Triêng, Pơ Noong).
5. Các làng Công Tơ Năng, Mừng (xã Phước Mỹ), Lố Lố, Nước Hú (xã Phước Đức) có nhiều gia đình tự nhận là người Xơ - đăng, người Giẻ ở Đắk Lắk (Kon Tum). Một số già làng (Đình Văn Sía, Đình Văn Chơn, Lê Chí Phủi...) cho rằng họ là một tộc người riêng biệt: "Tà Củ- Tà Mừng là vùng đất bằng phẳng, chỉ thị trấn Khâm Đức ngày nay, đây là vùng đất mà ông cha họ (Pơ Noong) bao đời trước đã chọn lập làng.
6. Lưu Hùng. *Nhà ở truyền thống của người Bnoong*, Tạp chí Dân tộc học, số 1/1999.
7. Tộc danh Bh'Noong xuất hiện sau này do ông Quách Xuân (nhà dân tộc học Xô Viết) và ông Lê Hồng Mao, Lê Văn Yên, những cán bộ được giao nhiệm vụ nghiên cứu, làm bộ chữ Pơ Noong (1985-1987). Các ông đã dùng âm Bh thay âm Pơ (âm gió) và vẫn h có thể thay dấu phẩy. Hiện nay tên gọi *Bh'Noong* được sử dụng khá phổ biến. Giang Rẫy là tên mà đồng bào dùng để chỉ hai vị anh hùng Giang và Rẫy trong thời kháng chiến chống Pháp (1942 - 1944). Xem thêm trong "*Lịch sử Đảng bộ huyện Phước Sơn*", Nhà in báo Quảng Nam, 1991, tr. 32.
8. Cách thức đánh dấu; bẻ cành cây đặt chéo nhau hoặc dùng rìu chặt vào gốc cây.
9. Theo lời kể của ông Hồ Văn Noa, 59 tuổi (ở thị trấn Khâm Đức, huyện Phước Sơn): "trước Cách mạng Tháng Tám vào khoảng tháng giêng, tháng hai, sau mùa gặt và vào khoảng tháng sáu, tháng bảy sau mùa tía, nạn "giặc mùa" và tục "săn máu" thường diễn ra. Lúc này, những hình thức tín ngưỡng nguyên thủy còn chi phối nặng nề đến đời sống đồng bào, mỗi khi trong làng có người đau ốm, hoạn nạn đồng bào đều cho là ma, trời xui khiến, phải đi chém nhau giữa làng này với làng khác. Hậu quả của tập tục cực kỳ nguy hiểm đó mà trước đây đã dẫn đến 30 làng Pơ Noong bị tiêu diệt...
10. Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp muốn áp đặt một đơn vị hành chính cao hơn bằng

cách chỉ định những cai tổng... nhưng chỉ để thu thuế, đốc phu. Các làng vẫn giữ bộ máy truyền thống của họ.

11. Chỉ những người giàu có, nhiều chiêng, ché, dồ...
12. Chơ ah khl, tiếng Pơ Noong nghĩa là trả thù, đứng ra lãnh đạo khi làng có chiến tranh.
13. Đi "búa": đi cúng, tế lễ.
14. Ví dụ: một ngày phát rẫy trả bằng một gùi lúa, vay một con heo trả 5 ngày công lao động, lột năm cây quế lấy một cây...
15. Mặc dù, vào những thế kỷ trước đã có sự giao lưu trao đổi hàng hoá giữa vùng dân tộc, hình thành nên một số điểm giao lưu buôn bán (điểm Hội Khách ở bến Hiên, bến Giăng, Tí Sé vùng Hiệp Đức, Phước Sơn...) không tác động làm thay đổi quan hệ xã hội vùng dân tộc thiểu số ở đây nói chung và cộng đồng người Pơ Noong nói riêng.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Ban Dân tộc Tỉnh uỷ Quảng Nam- Đà Nẵng. *Đường lối chính sách của Đảng và một số kết quả nghiên cứu về dân tộc ở Quảng Nam - Đà Nẵng*, Xuất bản 1987 (tài liệu lưu hành nội bộ).
2. Ban Dân tộc Miền núi Quảng Nam. *Người Pơ Noong ở Phước Sơn Quảng Nam*, Quảng Nam xuất bản, 1997 (tài liệu lưu trữ).
3. Trần Mạnh Cát. *Một vài đặc điểm sinh hoạt văn hoá của người Giẻ*, tạp chí Dân tộc học, số 1/1978.
4. Lưu Hùng. *Nhà ở truyền thống của người Bnoong*, tạp chí Dân tộc học, số 1/1999.
5. Hoàng Châu Ký. *Những sự kiện lịch sử Đảng bộ huyện Phước Sơn*, Nhà in báo Quảng Nam, 19991.
6. Robert. Mole. *Themontagnards of south Vietnam nine tribes*, Tokyo, 1970.
7. Chu Thái Sơn. *Vai trò tầng lớp già làng trong xã hội Trường Sơn- Tây Nguyên*, tạp chí Dân tộc học, số 3/1993.
8. Vũ Lợi. *Về nhóm người gọi là Pơ Noong ở Quảng Nam- Đà Nẵng*, Tạp chí Dân tộc học, số 4/1979.
9. Nguyễn Tri Hùng. *Truyện cổ người Giẻ - Triêng*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1985.